



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 08

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 25-12-2012 - Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4
- 25-12-2012 - Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND về phân cấp quản lý thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế bảo vệ môi trường. 8
- 25-12-2012 - Chỉ thị số 28/2012/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý, phòng chống mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố. 10

- 28-12-2012 - Quyết định số 65/2012/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cấp Giấy phép quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh. 13
- 28-12-2012 - Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phân xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 20
- 28-12-2012 - Chỉ thị số 29/2012/CT-UBND về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013. 35
- 03-01-2013 - Chỉ thị số 01/2013/CT-UBND về tăng cường quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và an toàn điện trong nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- 12-12-2012 - Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức. 45

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 17-12-2012 - Chỉ thị số 08/2012/CT-UBND về tổ chức đón Tết Quý Ty năm 2013. 53

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 14-12-2012 - Quyết định số 6358/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020”. 59
- 17-12-2012 - Quyết định số 6410/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản. 71
- 17-12-2012 - Quyết định số 6411/QĐ-UBND về kiện toàn Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư. 72
- 20-12-2012 - Quyết định số 6444/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh. 74
- 22-12-2012 - Quyết định số 6509/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 86

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu đô thị mới;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 07/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 39/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung và quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2920/TTr-SQHKT ngày 12 tháng 9 năm 2012, Báo cáo số 2921/SQHKT-PC ngày 12 tháng 9 năm 2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3812/STP-VB ngày 31 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý như sau:

“Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ nhà ở riêng lẻ) trong các khu vực được nêu tại các Khoản 4, 5, 6 (trừ Khu Công nghệ cao thành phố được Thủ tướng Chính phủ thành lập) 7, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 4 Quyết định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu thị trấn, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng được quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 4 Điều này và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Khoản 5 Điều này), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Ban quản lý các khu chức năng đô thị (trừ Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố) phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý (trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Khoản 5 Điều này), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 12 như sau:

“7. Ban quản lý các khu chức năng đô thị có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của thành phố và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch phân khu được cấp thẩm quyền phê duyệt thì trước khi chấp thuận Ban quản lý các khu chức năng đô thị (trừ Ban Quản lý Khu Công nghệ cao) cần có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc”.

6. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Căn cứ danh mục các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị có nhu cầu thiết lập được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận và dự toán do Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Ban Quản lý khu chức năng đô thị và Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng kế hoạch hàng năm sử dụng nguồn vốn ngân sách cho công tác lập quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh) trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký, các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu thuế
sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế bảo vệ môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thuế bảo vệ môi trường ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về phân cấp quản lý thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định phân cấp quản lý thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế bảo vệ môi trường như sau:

1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thay thế thuế nhà, đất) là khoản thu ngân sách phường - xã, thị trấn hưởng 100%. Thời gian áp dụng: trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015.

2. Thuế bảo vệ môi trường là khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; ngân sách cấp thành phố hưởng 100% số thu được phân chia. Thời gian áp dụng: trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký; bổ sung Quy định về phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn ổn định ngân sách năm 2011 - 2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 82/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2011).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2012/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2012

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý, phòng chống mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố

Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên xảy ra tình trạng mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm hệ thống giao thông, chiếu sáng công cộng, cung cấp năng lượng, cây xanh, cấp thoát nước,...) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn thành phố. Để chấn chỉnh tình trạng này, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ phòng chống mất cắp hoặc xâm hại tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và nhân dân trên địa bàn thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ trì phối hợp cùng các Sở, ngành chức năng có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể trong công tác tuyên truyền, tuần tra bảo vệ, phòng chống mất cắp hoặc xâm hại tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đến từng ấp, khu phố, tổ dân phố để nhân dân được biết và tham gia, phát huy vai trò các tổ nhân dân tự quản, tổ dân quân tự vệ; phổ biến các chủng loại, hình thức vật tư thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đến người dân và các đơn vị kinh doanh phế liệu trên địa bàn để nhận biết và chỉ thu mua chủng loại vật tư này khi có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đồng thời có giải pháp xử phạt nặng đối với các đơn vị thu mua vật tư không rõ nguồn gốc; yêu cầu đơn vị thu mua phế liệu cam kết và thông báo đến chính quyền địa phương khi phát hiện các trường hợp đối tượng bán chủng loại vật tư này. Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý về Sở Giao thông vận tải trước ngày 25 của tháng cuối mỗi quý.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thiết lập đường dây thông tin liên lạc 24/24 giờ, để

người dân kịp thời thông báo các trường hợp trộm cắp, xâm hại tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn quản lý, đồng thời có chế độ khen thưởng, nêu gương điển hình và nhân rộng trong quần chúng nhân dân đối với các trường hợp phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài sản công.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức quản lý và bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phân cấp trên địa bàn quản lý; thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp trên nếu không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Ban An toàn giao thông thành phố có trách nhiệm lồng ghép nội dung phòng chống mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong công tác tuyên truyền về an toàn giao thông đến từng địa phương, đồng thời làm cơ sở để đánh giá thi đua cuối năm của các quận, huyện.

4. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các đơn vị liên quan xây dựng định mức và đơn giá của hạng mục bảo vệ vật tư thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong quý I năm 2013, đề xuất Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành; Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Xây dựng xử lý các trường hợp xâm phạm hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố.

5. Giao Công an thành phố chỉ đạo các lực lượng Công an quận, huyện phối hợp với lực lượng Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thanh tra Xây dựng các quận, huyện và Ủy ban nhân dân các quận, huyện kiểm tra, xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định; chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Đài Truyền hình thành phố để tổ chức tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ, phòng chống mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong chuyên mục An ninh trật tự trong tuần; giao Công an phường, xã tiếp nhận tin báo xâm hại các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, báo đội Điều tra tổng hợp - Công an quận, huyện kịp thời khám nghiệm hiện trường và xác nhận có tội phạm.

6. Giao Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đôn đốc và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Chỉ thị này; Đồng thời tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý về Ủy ban nhân dân thành phố các địa phương thường xuyên để xảy ra tình trạng mất cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác

tuần tra, kiểm tra hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn được giao quản lý, nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nhằm hạn chế tình trạng mất cắp vật tư thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, Sở Giao thông vận tải chỉ thực hiện công tác sửa chữa, tái lắp đặt các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị bị xâm hại khi Ủy ban nhân dân các quận, huyện có xây dựng và ban hành phương án bảo quản, quy định trách nhiệm cụ thể đối với các cá nhân, tập thể trong công tác bảo quản công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn từng quận, huyện, đồng thời làm cơ sở đánh giá thi đua của các quận, huyện hàng năm.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp vận động quần chúng nhân dân tham gia phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp trộm cắp tài sản công thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố.

8. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cấp Giấy phép quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2285/TTr-SQHKT ngày 25 tháng 7 năm 2012, Báo cáo số 2286/SQHKT-PC ngày 25 tháng 7 năm 2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2763/STP-VB ngày 22 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về cấp Giấy phép quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Bổ sung Điều a Khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Dự án đầu tư xây dựng tập trung tại khu vực đô thị chưa có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500”.

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 3 của Quyết định này, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch, cơ quan thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch phải phối hợp Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung cấp phép. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch

Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch (nộp 1 bộ):

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch (theo mẫu 1, mẫu 2 phụ lục kèm theo quyết định này).

2. Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch;

3. Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị;

4. Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư;

5. Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án”.

4. Ban hành kèm theo Quyết định này phụ lục các mẫu văn bản thay thế cho phụ lục các mẫu văn bản kèm theo Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký, các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

Phụ lục

CÁC MẪU VĂN BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2012/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Mẫu 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung).
2. Mẫu 2: Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ).
3. Mẫu 3: Giấy phép quy hoạch sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung.
4. Mẫu 4: Giấy phép quy hoạch sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ.

MẪU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện:, chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:,

- Số nhà:.....đường: phường (xã):,

- Tỉnh, thành phố

- Số điện thoại:

2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư:

- Phường (xã): quận (huyện):,

- Tỉnh, thành phố:

- Phạm vi dự kiến đầu tư:

- Quy mô, diện tích: (ha)

- Hiện trạng sử dụng đất:

3. Nội dung đầu tư:

- Chức năng dự kiến:

- Cơ cấu sử dụng đất dự kiến:

4. Tổng mức đầu tư dự kiến:

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(ký tên, ghi rõ họ tên)

MẪU 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện:, chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:,

- Số nhà:.....đường: phường (xã):,

- Tỉnh, thành phố

- Số điện thoại:

2. Vị trí, quy mô xây dựng công trình:

- Phường (xã): quận (huyện):,

- Tỉnh, thành phố:

- Phạm vi ranh giới:

- Quy mô, diện tích: (ha)

- Hiện trạng sử dụng đất:

3. Nội dung đầu tư:

- Chức năng công trình:

- Mật độ xây dựng:

- Chiều cao công trình:m

- Số tầng:

- Hệ số sử dụng đất:%

- Dự kiến tổng diện tích sàn:m²

4. Tổng mức đầu tư dự kiến:

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn
(ký tên, ghi rõ họ tên)

MẪU 3

CƠ QUAN CẤP GPQH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****(Dự thảo)**

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**Số...../GPQH****(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)**

1. Cấp cho chủ đầu tư:

- Địa chỉ:.....

- Số nhà: đường:..... phường (xã),....., Tỉnh, thành phố:.....

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án:.....

- Địa điểm xây dựng:

- Phạm vi ranh giới:

- Quy mô, đất đai:..... ha

- Quy mô dân số (nếu có):.....người.

- Cơ cấu sử dụng đất :.....%

(tỷ lệ đất giao thông, cây xanh, công trình công cộng)

- Mật độ xây dựng toàn khu vực:.....%

- Chiều cao xây dựng công trình:.....

- Hệ số sử dụng đất:

- Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường:

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:.....

....., ngày tháng năm

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch**(ký tên, đóng dấu)****Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

MẪU 4

CƠ QUAN CẤP GPQH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Dự thảo)

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**Số...../GPQH**

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

1. Cấp cho chủ đầu tư:

- Địa chỉ:.....

- Số nhà: đường:..... phường (xã),....., Tỉnh, thành phố:.....

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án:.....

- Địa điểm xây dựng:

- Phạm vi ranh giới:.....

- Diện tích lô đất:m²

- Mật độ xây dựng đối với lô đất:%

- Chiều cao công trình:m

- Hệ số sử dụng đất đối với lô đất:

- Khoảng lùi công trình:m

- Các yêu cầu về kiến trúc công trình:

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường:

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:.....

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

**Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch
(ký tên, đóng dấu)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 69/2005/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9642/TTr-SXD-QLKTXD ngày 10 tháng 12 năm 2012 về việc ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4741/STP-VB ngày 27 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình để sử dụng vào mục đích:

1. Tính lệ phí trước bạ;
2. Bồi thường hỗ trợ thiệt hại nhà, công trình, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Định giá nhà, công trình, vật kiến trúc trong công tác bán, thanh lý nhà, xưởng thuộc sở hữu Nhà nước;
4. Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
5. Phục vụ công tác xét xử, thi hành án.

Điều 2. Việc xử lý chuyển tiếp áp dụng Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện như sau:

1. Đối với các tài sản nhà, công trình, vật kiến trúc đã hoàn tất việc định giá theo Biểu giá ban hành tại các Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; Quyết định số 92/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành hệ số điều chỉnh khi áp dụng Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 và Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành để sử dụng vào các mục đích nêu tại Điều 1 (trừ mục đích tính giá để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất), thì không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

2. Đối với những dự án đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, những dự án đang thực hiện dở dang việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thì tiếp tục thực hiện theo Phương án bồi thường đã được phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

3. Đối với những dự án đã được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thì thực hiện theo Biểu giá ban hành tại Quyết định này.

Điều 3. Căn cứ quy định của Trung ương về giá xây dựng công trình tại các đô

thị và biến động giá trên thị trường, giao Sở Xây dựng chủ trì cùng các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Biểu giá chuẩn; báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Biểu giá chuẩn cho phù hợp thực tế.

Giao Sở Xây dựng hướng dẫn những trường hợp phát sinh cụ thể chưa nêu trong Biểu giá chuẩn ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế các Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; Quyết định số 92/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành hệ số điều chỉnh khi áp dụng Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 và Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

BIỂU GIÁ CHUẨN VỀ SUẤT VỐN
ĐẦU TƯ - PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Loại công trình		Đơn vị	Suất vốn đầu tư	
				Móng cọc các loại L ≤ 15m	Móng cọc các loại L > 15m
1	2		3	4	5
A	Nhà ở				
1	Biệt thự trệt	1. Khung (móng, cột, đà), mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	6.070.000	6.400.000
		2. Khung BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	5.720.000	6.200.000
		3. Khung BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	5.370.000	5.650.000
2	Biệt thự lầu	1. Khung, sàn, mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	5.635.000	5.930.000
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	5.285.000	5.560.000
		3. Khung, sàn BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng/m ²	4.935.000	5.200.000
		4. Cột BTCT hoặc gạch; sàn xây cuốn trên sắt I; mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	3.500.000	
		5. Cột gạch hoặc gỗ, sàn gỗ; mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic hay tương đương.	đồng/m ²	3.050.000	

3	Nhà phố liền kề trệt	1. Khung, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.150.000	
		2. Khung BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	3.540.000	
		3. Khung BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	3.160.000	
		4. Cột gạch hoặc gỗ; mái lợp tôn hoặc ngói; tường gạch + ván hoặc tôn; nền lát gạch bông hoặc tương đương.	đồng/m ²	2.620.000	
		5. Cột gạch hoặc gỗ; mái lợp giấy dầu hoặc lá; tường gạch + ván hoặc tôn; nền lát gạch bông hoặc tương đương.	đồng/m ²	1.945.000	
		6. Cột gỗ; mái tôn, trần ván hoặc cốt ép; vách ván hoặc tôn; nền láng xi măng.	đồng/m ²	1.350.000	
		7. Cột gỗ; mái lá hoặc giấy dầu; vách tôn + gỗ; nền láng xi măng.	đồng/m ²	940.000	
4	Nhà phố liền kề ≤ 4 tầng	1. Khung, sàn, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.050.000	4.260.000
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	3.900.000	4.100.000
		3. Khung, sàn BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	3.750.000	3.950.000
		4. Cột BTCT hoặc gạch, sàn-mái xây cuốn trên sắt I; tường gạch; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	3.050.000	3.210.000
		5. Cột BTCT hoặc gạch, sàn xây cuốn trên sắt I; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	2.950.000	3.100.000
		6. Cột BTCT hoặc gạch; sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái lợp tôn hay ngói có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	2.900.000	

		7. Cột gỗ; sàn gỗ; mái lợp tôn có trần; vách ván; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	1.670.000	
5	Nhà phố liền kề \geq 5 tầng	1. Khung, sàn, mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.500.000	4.740.000
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.400.000	4.630.000
		3. Khung, sàn BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.300.000	4.530.000
6	Chung cư \leq 5 tầng	1. Khung, sàn, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.740.000	4.990.000
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói hoặc tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.390.000	4.620.000
7	Chung cư 6-8 tầng	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	4.980.000	5.240.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	5.730.000	6.030.000
8	Chung cư 9-14 tầng	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.230.000	5.500.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.010.000	6.330.000
		3. Có \geq 2 tầng hầm	đồng/m ²	6.270.000	6.600.000
9	Chung cư 15-20 tầng	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.490.000	5.780.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.310.000	6.640.000
		3. Có \geq 2 tầng hầm	đồng/m ²	6.590.000	6.930.000
10	Chung cư 21-25 tầng	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.760.000	6.070.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.630.000	6.980.000
		3. Có \geq 2 tầng hầm	đồng/m ²	6.920.000	7.280.000
11	Chung cư > 25 tầng	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.880.000	6.190.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.760.000	7.120.000
		3. Có \geq 2 tầng hầm	đồng/m ²	7.050.000	7.430.000
B	Nhà làm việc, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại				
12	Nhà \leq 5 tầng	- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.250.000	4.480.000
		- Loại trang trí đặc biệt (nền lát gạch ceramic hoặc bóng kính có kích thước \geq 80 x 80; lắp kính trang trí chiếm \geq 70% diện tích mặt tiền).	đồng/m ²	4.650.000	4.890.000

13	Nhà 6-8 tầng	1. Không có tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.460.000	4.700.000
		- Loại trang trí đặc biệt	đồng/m ²	4.880.000	5.140.000
		2. Có 1 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.140.000	5.400.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	5.610.000	5.910.000
14	Nhà 9 - 14 tầng	1. Không có tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.550.000	4.800.000
		- Loại trang trí đặc biệt	đồng/m ²	4.980.000	5.240.000
		2. Có 1 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.240.000	5.510.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	5.720.000	6.020.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.460.000	5.750.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	5.970.000	6.290.000
15	Nhà 15-20 tầng	1. Không có tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.650.000	4.890.000
		- Loại trang trí đặc biệt	đồng/m ²	5.080.000	5.340.000
		2. Có 1 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.340.000	5.620.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	5.840.000	6.150.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.570.000	5.870.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	6.090.000	6.410.000
16	Nhà 21-25 tầng	1. Không có tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.740.000	4.990.000
		- Loại trang trí đặc biệt	đồng/m ²	5.180.000	5.450.000
		2. Có 1 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.450.000	5.740.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	5.950.000	6.270.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.690.000	5.990.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	6.210.000	6.540.000

17	Nhà > 25 tầng	1. Không có tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	4.830.000	5.090.000
		- Loại trang trí đặc biệt	đồng/m ²	5.280.000	5.560.000
		2. Có 1 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.560.000	5.850.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	6.070.000	6.390.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm			
		- Loại phổ thông.	đồng/m ²	5.800.000	6.110.000
		- Loại trang trí đặc biệt.	đồng/m ²	6.340.000	6.670.000
C	Khách sạn (không phân biệt số tầng)				
18	Loại tiêu chuẩn 1 sao	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	4.590.000	4.830.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	5.280.000	5.550.000
19	Loại tiêu chuẩn 2 sao	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.180.000	5.450.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	5.960.000	6.270.000
20	Loại tiêu chuẩn 3 sao	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.440.000	5.730.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.260.000	6.580.000
21	Loại tiêu chuẩn 4 sao	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	6.000.000	6.310.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	6.900.000	7.260.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm	đồng/m ²	7.200.000	7.560.000
22	Loại tiêu chuẩn 5 sao	1. Không có tầng hầm	đồng/m ²	6.420.000	6.760.000
		2. Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	7.390.000	7.770.000
		3. Có ≥ 2 tầng hầm	đồng/m ²	7.710.000	8.110.000
D	Công trình văn hóa, giáo dục				
23	Rạp chiếu phim, nhà hát, hội trường (có thiết kế nội thất tương tự nhà hát)	1. 200 - 400 chỗ ngồi.			
		- Không có tầng hầm	đồng/m ²	4.010.000	4.220.000
		- Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	4.610.000	4.850.000
		2. > 400 - 600 chỗ ngồi.			
		- Không có tầng hầm	đồng/m ²	4.270.000	4.500.000
		- Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	4.910.000	5.170.000
		3. > 600 - 800 chỗ ngồi.			
		- Không có tầng hầm	đồng/m ²	4.630.000	4.870.000
		- Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	5.320.000	5.600.000
		4. > 800 - 10.000 chỗ ngồi.			
		- Không có tầng hầm	đồng/m ²	5.140.000	5.410.000
		- Có 1 tầng hầm	đồng/m ²	5.910.000	6.220.000

24	Trường học (các cấp) < 5 tầng)	1. Khung, sàn, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương	đồng/m ²	5.260.000	5.540.000
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	4.910.000	5.190.000
D	Nhà xưởng				
25	Khẩu độ < 18m, cao < 6m, không có cầu trục	1. Móng BTCT, cột thép, vì kèo-xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.400.000	
		2. Móng, cột BTCT, vì kèo BTCT, xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.400.000	
		3. Móng, cột BTCT, vì kèo-xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.400.000	
		4. Móng BTCT, cột thép, vì kèo-xà gỗ gỗ; mái lợp tôn hoặc fibro; vách tôn.	đồng/m ²	2.200.000	
26	Khẩu độ 18m - 30m, cao 6m-9m không có cầu trục	1. Móng BTCT, cột thép, vì kèo-xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.800.000	
		2. Móng, cột BTCT, vì kèo BTCT, xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.800.000	
		3. Móng, cột BTCT, vì kèo-xà gỗ thép; mái lợp tôn hoặc fibro; tường gạch.	đồng/m ²	2.800.000	
		4. Móng BTCT, cột thép, vì kèo-xà gỗ gỗ; mái lợp tôn hoặc fibro; vách tôn.	đồng/m ²	2.600.000	
E	Trạm xăng				
27	Bể bằng thép chứa xăng, dầu và hệ thống đường ống dẫn.	1. Không có lớp bảo vệ ngoài	đồng/m ³	6.850.000	
		2. Có lớp bảo vệ ngoài	đồng/m ³	8.270.000	
28	Nhà điều hành của Trạm xăng	1. Khung, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.530.000	
		2. Khung BTCT; mái lợp tôn có trần; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	4.030.000	

29	Mái của trạm xăng	1. Móng, cột BTCT, vì kèo thép; mái lợp tôn.	đồng/m ²	600.000	
		2. Móng BTCT, cột thép, vì kèo thép; mái lợp tôn.	đồng/m ²	600.000	
G	Công trình hạ tầng kỹ thuật				
30	Đường nội bộ, sân bãi	1. Mặt đường BT nhựa nóng	đồng/m ²	640.000	
		2. Mặt đường BT nhựa nguội	đồng/m ²	513.000	
		3. Mặt đường BT đá 1 x 2 hoặc Bê tông sỏi	đồng/m ²	335.000	
		4. Đường đá dăm chèn đất	đồng/m ²	156.000	
		5. Đường cấp phối sỏi đỏ.	đồng/m ²	134.000	
		6. Sân, vỉa hè lát gạch con sêu hoặc gạch xi măng các loại	đồng/m ²	265.000	
		7. Sân lát gạch tàu.	đồng/m ²	143.000	
		8. Sân lát đan.	đồng/m ²	136.000	
		9. Sân láng vữa xi măng dày 3cm	đồng/m ²	112.000	
31	Đài nước	1. Đài nước BTCT $\leq 100 \text{ m}^3$, cao >15m.	đồng/m ³	13.580.000	
		2. Đài nước BTCT $\leq 100 \text{ m}^3$, cao từ 10m - ≤ 15 m.	đồng/m ³	10.870.000	
		3. Đài nước BTCT $\leq 100 \text{ m}^3$, cao từ 5m - < 10m.	đồng/m ³	8.150.000	
		4. Đài nước BTCT $\leq 100 \text{ m}^3$, cao <5m.	đồng/m ³	6.110.000	
		5. Đài nước BTCT $> 100 \text{ m}^3$, cao >15m.	đồng/m ³	16.660.000	
		6. Đài nước BTCT $> 100 \text{ m}^3$, cao từ 10m - ≤ 15 m.	đồng/m ³	14.490.000	
		7. Đài nước BTCT $> 100 \text{ m}^3$, cao từ 5m - < 10m.	đồng/m ³	12.600.000	
		8. Đài nước BTCT $> 100 \text{ m}^3$, cao <5m.	đồng/m ³	10.960.000	
32	Hồ nước ngầm, bể tự hoại	Tường xây gạch, nắp bê tông cốt thép:			
		1. Dung tích $\leq 50 \text{ m}^3$	đồng/m ³	2.410.000	
		2. Dung tích $> 50 \text{ m}^3$	đồng/m ³	2.820.000	
		Tường BTCT, nắp BTCT:			
		1. Dung tích $\leq 50 \text{ m}^3$	đồng/m ³	5.130.000	
		2. Dung tích $> 50 \text{ m}^3 - 100 \text{ m}^3$	đồng/m ³	5.840.000	
		3. Dung tích $> 100 \text{ m}^3$	đồng/m ³	6.740.000	

33	Hồ nước mái	Tường xây gạch, nắp bê tông cốt thép:			
		1. Dung tích $\leq 50 \text{ m}^3$	đồng/m ³	2.540.000	
		Tường BTCT, nắp BTCT:			
		1. Dung tích $\leq 50 \text{ m}^3$	đồng/m ³	5.390.000	
		2. Dung tích $> 50 \text{ m}^3 - 100 \text{ m}^3$	đồng/m ³	6.130.000	
		3. Dung tích $> 100 \text{ m}^3$	đồng/m ³	7.080.000	
34	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	1. Quy mô $\leq 20\text{ha}$	triệu đồng/ha	5.900	
		2. Quy mô 20 - 50ha	triệu đồng/ha	5.700	
		3. Quy mô $> 50\text{ha}$	triệu đồng/ha	5.300	
H	Một số kiến trúc, kết cấu khác				
35	Nhà bảo vệ (riêng lẻ)	1. Khung BTCT, mái bê tông cốt thép có hoặc không dán ngói, tường gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.450.000	
		2. Khung BTCT, mái lợp ngói hoặc tôn, tường gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.100.000	
		3. Khung BTCT, mái ngói hoặc tôn, tường gạch quét vôi, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	3.800.000	
36	Nhà vệ sinh (riêng lẻ)	1. Khung BTCT, mái BTCT, tường ốp gạch men, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	5.300.000	
		2. Khung BTCT, mái ngói có trần nhựa, tường ốp gạch men, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.950.000	
		3. Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường ốp gạch men, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.600.000	
		4. Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.400.000	
		5. Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường gạch quét vôi, nền lát gạch ceramic.	đồng/m ²	4.250.000	
		6. Cột gỗ, mái tôn, vách tôn, nền xi măng	đồng/m ²	1.000.000	
37	Gác lửng	1. Gác lửng đúc	đồng/m ²	2.500.000	
		2. Gác lửng đúc giả	đồng/m ²	1.500.000	
		3. Gác lửng ván	đồng/m ²	1.000.000	

38	Mái che	1. Cột gạch, vì kèo-xà gỗ thép, mái lợp tôn hoặc fibro, nền láng xi măng.	đồng/m ²	1.300.000	
		2. Cột gạch, vì kèo-xà gỗ gỗ, mái lợp tôn hoặc fibro, nền láng xi măng.	đồng/m ²	1.200.000	
		3. Cột thép ống, vì kèo-xà gỗ sắt; mái tôn; nền lát gạch tàu.	đồng/m ²	1.100.000	
		4. Cột gỗ, vì kèo-xà gỗ gỗ tạp; mái tôn; nền lát gạch tàu.	đồng/m ²	660.000	
		5. Cột gỗ, vì kèo-xà gỗ gỗ tạp; mái lá; nền lát đan xi măng.	đồng/m ²	650.000	
39	Hồ bơi	1. Hồ bơi trên sân thượng có mái che, hoặc trong nhà	đồng/m ³	6.540.000	
		2. Hồ bơi trên sân thượng không có mái che	đồng/m ³	4.900.000	
40	Tường rào	1. Khung BTCT; tường xây gạch dày 20cm; trên lắp song sắt; cửa đi bằng sắt loại 02 cánh.	đồng/m ²	704.000	
		2. Khung BTCT; tường xây gạch dày 10cm; trên lắp song sắt; cửa đi bằng sắt loại 02 cánh.	đồng/m ²	536.000	
		3. Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào lưới B40 khung sắt.	đồng/m ²	379.000	
		4. Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào lưới B40 khung gỗ.	đồng/m ²	261.000	
		5. Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào kẽm gai.	đồng/m ²	150.000	
41	Trần nhà	1. Trần nhà thạch cao, khung chìm.	đồng/m ²	140.000	
		2. Trần nhà thạch cao, khung nổi.	đồng/m ²	154.000	
		3. Trần nhà ván ép.	đồng/m ²	154.000	
		4. Trần nhà ván gỗ (gỗ tự nhiên, gỗ MDF).	đồng/m ²	464.000	
		5. Trần nhà nhựa	đồng/m ²	110.000	
I	Một số dạng nhà ở, vật kiến trúc có kết cấu trên sông rạch nằm trên địa bàn thành phố				
42	Nhà phố trệt	1. Khung, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	4.500.000	
		2. Khung BTCT; mái lợp ngói có trần, tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại.	đồng/m ²	4.150.000	

		3. Khung BTCT; mái lợp tôn có trần, tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại.	đồng/m ²	3.800.000	
		4. Cột gạch; mái lợp ngói; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) bằng đan hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại.	đồng/m ²	3.150.000	
		5. Cột gạch hoặc gỗ; mái tôn, giấy dầu hoặc lá; tường gạch + ván hoặc tôn; nền (sàn trên rạch) bằng đan hoặc bê tông đúc giả.	đồng/m ²	2.300.000	
		6. Cột gỗ; mái tôn, giấy dầu hoặc lá; vách tôn + ván, lá; sàn trên rạch bằng đan, bê tông đúc giả, gỗ ván các loại.	đồng/m ²	1.600.000	
43	Nhà phố lâu	1. Khung, sàn, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	4.400.000	
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) bằng BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	4.050.000	
		3. Cột BTCT hoặc cột gạch, sàn xây cuốn trên sắt I; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) bằng BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	3.650.000	
		4. Cột BTCT hoặc cột gạch, sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái đúc giả hoặc lợp ngói, lợp tôn có trần; tường gạch; nền (sàn trên rạch) bằng bê tông đúc giả hoặc đan.	đồng/m ²	2.950.000	
		5. Cột gỗ, sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái đúc giả hoặc lợp ngói, lợp tôn có trần; vách gạch + ván; nền (sàn trên rạch) bằng đan, gỗ ván	đồng/m ²	1.500.000	
44	Các trường hợp Nhà phố lâu có tầng trệt là lõi đi chung hoặc hẻm công cộng	1. Cột, đà, mái BTCT; tường gạch sơn nước; sàn BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	3.800.000	
		2. Cột, đà BTCT; mái ngói có trần; tường gạch sơn nước; sàn BTCT lát gạch các loại.	đồng/m ²	3.450.000	
		3. Cột, đà BTCT; mái ngói hoặc lợp tôn có trần; tường gạch; sàn đúc giả lát gạch các loại.	đồng/m ²	2.650.000	
		4. Cột gạch, cột sắt hoặc gỗ; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch + ván hoặc tôn; sàn gỗ.	đồng/m ²	1.350.000	

Ghi chú:

1. Suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình được tính trên 1m^2 sàn xây dựng.

2. Suất vốn đầu tư tính cho công trình xây dựng quy định tại Biểu giá trên là giá trị xây lắp, đã có VAT bao gồm cả hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chống sét, cấp nước PCCC trong công trình.

Suất vốn đầu tư tính cho công trình xây dựng quy định tại Biểu giá trên không bao gồm chi phí trang thiết bị công trình như: thang máy; hệ thống điều hòa không khí; hệ thống thông tin, liên lạc, truyền hình, truyền thanh; hệ thống máy bơm phục vụ PCCC, hệ thống báo cháy; chống trộm; tủ, bàn, ghế, trang thiết bị hành chính và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, nghiên cứu, vận hành, điều trị....

3. Suất vốn đầu tư áp dụng cho công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị quy định tại Biểu giá trên là giá trị xây lắp đã có VAT bao gồm: chi phí xây dựng các công trình hạ tầng như hệ thống thoát nước (tuyến ống nước, hố ga, trạm bơm, trạm xử lý); hệ thống cấp nước (tuyến ống cấp nước, bể chứa, trạm bơm); Hệ thống điện (điện chiếu sáng, sinh hoạt, sản xuất, trạm biến thế) và các công tác khác như san nền, đường nội bộ, cây xanh; không bao gồm chi phí xây dựng hệ thống kỹ thuật bên ngoài khu đô thị.

4. Trong trường hợp sử dụng vào mục đích tính lệ phí trước bạ nhà, công trình xây dựng, thực hiện theo Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

5. Nội dung áp dụng đơn giá đối với công trình cọc $L \leq 15\text{m}$ hoặc móng cọc các loại $L > 15\text{m}$ như sau:

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15\text{m}$: áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15\text{m}$.

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản không có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại $L > 15\text{m}$: áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng cọc $L \leq 15\text{m}$.

6. Trong trường hợp sử dụng vào mục đích bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất: thực hiện theo quy định tại phương án bồi thường của dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chung cư và văn phòng đã kê khu thương mại tại các tầng bên dưới và tầng hầm (nếu có).

Suất vốn đầu tư của các công trình có tầng hầm chỉ áp dụng đối với trường hợp: chỉ giới xây dựng phần tầng hầm tương đương với chỉ giới xây dựng phần nổi; và khi tính tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình, chỉ dựa trên tổng diện tích sàn xây dựng không bao gồm diện tích sàn xây dựng tầng hầm.

8. Trường hợp cao ốc đa năng, có thể tính toán từng phần, theo từng công năng, để xác định giá trị xây lắp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2012/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2012

CHỈ THỊ

Về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013

Năm 2013, năm bản lề thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 05 năm 2011 - 2015 trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động khó lường. Ở trong nước, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức chưa thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn. Kinh tế thành phố tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thử thách, sức mua của thị trường giảm, hàng tồn kho tăng cao, tình hình sản xuất kinh doanh phục hồi chậm, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản hoạt động trì trệ...; hạ tầng kỹ thuật đô thị được tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố; tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự còn diễn biến phức tạp, đời sống của nhân dân vẫn còn khó khăn.

Quán triệt Kết luận số 49-KL/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Nghị quyết số 31/2012/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU Hội nghị lần thứ 12 Thành ủy khóa IX về nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013, Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013. Để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2013; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty và doanh nghiệp trực thuộc thành phố tập trung thực hiện các nội dung quan trọng như sau:

1. Tập trung xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2013, Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách thành phố năm 2013, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường được giao ngay từ những tháng đầu năm 2013.

2. Căn cứ Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động đề ra các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch phải bao quát hoạt động của các ngành, các thành phần kinh tế trên địa bàn, chuyển dịch đúng hướng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo vệ môi trường, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, hoạt động đối ngoại; các biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho cơ quan, đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; đồng thời phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt trì trệ, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn.

3. Nghiên cứu tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, xử lý nợ xấu, nhất là chính sách thuế, tín dụng, thủ tục hành chính, tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất phù hợp, tăng cường quảng bá thương hiệu, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường, hỗ trợ lãi suất để các doanh nghiệp nắm bắt thời cơ, đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển mạnh hệ thống phân phối, đa dạng hóa các loại hình thương mại bán lẻ hiện đại, gắn với phát triển chương trình bình ổn thị trường thành phố. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường. Bảo

đảm cung cầu và bình ổn giá những hàng hóa thiết yếu; có biện pháp hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách chịu tác động lớn khi nhà nước điều chỉnh giá một số mặt hàng theo cơ chế thị trường. Tham mưu đề xuất bổ sung một số giải pháp mang tính đột phá nhằm từng bước phục hồi thị trường bất động sản.

4. Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; tập trung đơn đốc, đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ chuyên quyền sử dụng đất, chuyển nhượng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước qua xử lý, sắp xếp theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, sắp xếp các địa chỉ nhà đất hiện do các doanh nghiệp công ích của quận - huyện quản lý để đưa ra bán đấu giá.

5. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, nhất là đầu tư công, đầu tư trái phiếu Chính phủ và đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước; nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách nhà nước. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước; tập trung vốn ngân sách cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2013. Thực hiện chủ trương tiết kiệm chi, tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, chi phí hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước...; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được duyệt, đúng thẩm quyền, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

6. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập đề án, thẩm định phê duyệt quy hoạch xây dựng đô thị; khẩn trương rà soát, báo cáo các dự án đầu tư chậm triển khai, sử dụng sai mục đích, công bố công khai ngay từ đầu năm 2013. Tập trung thực hiện có hiệu quả 6 Chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX đề ra. Tổ chức sơ kết đánh giá 02 năm công tác triển khai thực hiện; nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành các cơ chế chính sách mới, tạo động lực thúc đẩy quá trình thực hiện các chương trình đột phá. Tạo bước đột phá về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ-TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chương trình trình hành động số 27-CTrHĐ/TU ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Thành ủy và Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Tiếp tục đầu tư phát triển y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, khoa học và công nghệ; thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy ở các cấp học, ngành học. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các

lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân; giảm tình trạng quá tải tại các bệnh viện chuyên khoa, phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm. Tăng cường các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường quản lý lễ hội, hoạt động văn hóa thể thao bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự, hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách để tổ chức lễ hội.

8. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tạo việc làm. Đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm hộ nghèo, nâng hộ khá theo hướng phát huy nội lực, kết hợp sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế, nhằm tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở,...). Từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Tiếp tục đầu tư và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp, ký túc xá cho sinh viên, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho người lao động có thu nhập thấp.

9. Tiếp tục thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị 2011 - 2015. Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, khẩn trương giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài; tăng cường chế độ tiếp công dân, chủ động giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc, kiến nghị của công dân, doanh nghiệp. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong thực thi công vụ.

10. Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ về an ninh - quốc phòng, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố; kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm về cướp giật, sử dụng

ma túy, chất kích thích; tiếp tục phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 mặt (số vụ, số người chết, số người bị thương). Nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, giữ gìn trật tự xã hội tại địa bàn dân cư.

11. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển thành phố. Triển khai các chương trình hành động mở rộng mối quan hệ hợp tác kinh tế - xã hội với các địa phương trong cả nước. Thực hiện tốt công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, nghiên cứu dự báo và thông tin kinh tế trong nước và quốc tế. Chủ động xây dựng các phương án ứng phó với các tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước đối với kinh tế thành phố trong mọi tình huống.

12. Về tổ chức thực hiện:

12.1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013 thành Chương trình công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc quá trình chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí để Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua các đề án và ban hành kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố xây dựng và thực hiện các chương trình công tác, các đề án hoạt động của hệ thống chính trị thành phố đồng bộ, hiệu quả.

12.2. Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố:

a) Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung và chuyên môn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của thành phố.

b) Chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức hội nghị, làm việc với các đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội thành phố bền vững.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố, góp phần tích cực cùng cả nước hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch năm 2013./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2013

CHỈ THỊ

Về tăng cường quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và an toàn điện trong nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian vừa qua, trên địa bàn thành phố xảy ra nhiều vụ vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp. Tính đến hết tháng 11 năm 2012, toàn thành phố còn hơn 1.820 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, gây tai nạn chết người, gây hư hỏng lưới điện.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do các đơn vị liên quan chưa thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn quản lý. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân về các biện pháp đảm bảo an toàn điện, các biện pháp phòng, tránh tai nạn điện chưa thường xuyên; công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm chưa triệt để.

Để ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và các quy định về an toàn điện trong nhân dân, nhằm phòng ngừa sự cố, tai nạn về điện xảy ra, nhằm đảm bảo an toàn cho người dân, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Chủ động phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành lưới điện và các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng những quy định của Nhà nước về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, các biện pháp phòng, tránh tai nạn điện trong nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra và đánh giá về an toàn điện của các hệ thống đèn chiếu sáng dân lập, các bảng quảng cáo, các công trình đặt tại khu vực công cộng, các tụ điểm vui chơi, giải trí trên địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện mất an toàn về điện, không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật điện thì

thông báo cho đơn vị điện lực và cho đơn vị có các thiết bị mất an toàn về điện biết để khẩn trương tiến hành khắc phục.

c) Tăng cường kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện, hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và quy định về an toàn điện.

d) Thống kê, đánh giá kết quả kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm các quy định về an toàn điện; định kỳ hàng quý báo cáo về Sở Công Thương (Thường trực Ban Chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thành phố) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

2. Giao Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các đơn vị tư vấn chuyên ngành xây dựng, các chủ đầu tư về việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện trong thiết kế, thi công công trình xây dựng.

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường kiểm tra về an toàn điện đối với các công trình xây dựng trong hoặc gần hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, kiểm tra việc đảm bảo an toàn lưới điện trong các công trình xây dựng, các tòa nhà, chung cư.

3. Giao Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương ban hành hướng dẫn các đơn vị quản lý giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các đơn vị tư vấn thiết kế việc đảm bảo khoảng cách an toàn theo cấp điện áp đối với các phương tiện khi lưu thông qua những đoạn giao chéo giữa đường dây tải điện cao áp với đường bộ, đường thủy, đường sắt và việc áp dụng các quy định về an toàn điện trong thiết kế, thi công công trình giao thông giao chéo và song song với đường dây tải điện cao áp trên không.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành quy định về giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ đối với phần trên không của công trình đường bộ trên địa bàn thành phố theo quy định của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên kiểm tra, bảo trì, để kịp thời phát hiện và ngăn ngừa, phòng tránh nguy cơ gây sự cố, rò điện đối với tất cả các thiết bị đóng cắt, bảo vệ, hệ thống nối đất và lắp đặt các thiết bị bảo vệ dòng điện rò trên đường dây dẫn điện của hệ thống chiếu sáng công cộng, các trụ đèn tín hiệu giao

thông, đường dây dẫn điện của các bảng quảng cáo tại trạm chờ xe buýt và các khu vực công cộng.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn các đơn vị có cấp viễn thông, đơn vị truyền hình cáp trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định về an toàn điện khi thi công, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cáp.

b) Chủ động phối hợp với Sở Công Thương, Tổng Công ty Điện lực thành phố kiểm tra, xử lý các hành vi thi công mạng cáp viễn thông, truyền hình không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện.

5. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Khi tiến hành cấp phép quảng cáo phải yêu cầu các đơn vị được cấp phép phải có biện pháp đảm bảo an toàn về điện đối với hệ thống điện phục vụ lễ hội, chiếu sáng các bảng quảng cáo. Chủ động phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về an toàn điện tại các khu vực quảng cáo.

6. Giao Công an thành phố

a) Phối hợp với Tổng Công ty Điện lực thành phố - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty Truyền tải điện 4, ban hành các quy chế, biên bản phối hợp bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố.

b) Chỉ đạo Công an các quận - huyện phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành lưới điện cao áp và chính quyền địa phương đảm bảo an toàn công trình lưới điện trên địa bàn phụ trách.

7. Giao Tổng Công ty Điện lực thành phố - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty Truyền tải điện 4

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, các biện pháp đảm bảo an toàn điện trong nhân dân và các biện pháp phòng, tránh tai nạn điện.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, lập hồ sơ chi tiết những trường hợp vi phạm; lập phương án và có kế hoạch xử lý để giải quyết dứt điểm các điểm vi phạm an toàn công trình lưới điện cao áp.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, bảo trì lưới điện, các trang thiết bị điện, các điểm có nguy cơ rò điện trên lưới điện.

d) Thống kê, đánh giá kết quả kiểm tra, phối hợp xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý và các hành vi vi phạm quy định về an toàn điện trong nhân dân; định kỳ hàng tháng báo cáo về Sở Công Thương (Thường trực Ban Chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thành phố) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

8. Giao Sở Công Thương chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, công tác an toàn điện trong nhân dân.

9. Giao Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, công tác an toàn điện trong nhân dân, công tác an toàn điện đối với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng công cộng và hệ thống chiếu sáng dân lập trên địa bàn thành phố; xử lý các hành vi vi phạm an toàn điện; định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

10. Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Chỉ thị số 28/2002/CT-UB ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường bảo vệ an toàn lưới điện cao áp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2012/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 12 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế văn hóa công sở
tại Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng thẻ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNV ngày 07 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về biển tên cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 6657/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 472/TTr-NV ngày 16 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thanh Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND

ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, bài trí công sở tại Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện văn hóa công sở

Việc thực hiện văn hóa công sở tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội của quận;
2. Phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại;
3. Phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hoá nền hành chính nhà nước.

Điều 3. Mục đích

Việc thực hiện văn hóa công sở nhằm mục đích:

1. Bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận;
2. Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Hút thuốc lá trong phòng làm việc, phòng họp;
2. Sử dụng đồ uống có cồn tại công sở, trừ trường hợp được sự đồng ý của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận vào các dịp liên hoan, lễ tết, tiếp khách ngoại giao;
3. Quảng cáo thương mại tại công sở.

Chương II**TRANG PHỤC, GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ
CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC****Mục 1****TRANG PHỤC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC****Điều 5. Trang phục**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.
2. Cán bộ, công chức, viên chức có trang phục riêng theo quy định ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Khuyến khích cơ quan, đơn vị trang bị đồng phục cho cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 6. Lễ phục

Lễ phục của cán bộ, công chức, viên chức là trang phục chính thức được sử dụng trong những buổi lễ, cuộc họp trọng thể.

1. Lễ phục của nam cán bộ, công chức, viên chức: Bộ comple, áo sơ mi, cravat.
2. Lễ phục của nữ cán bộ, công chức, viên chức: Áo dài truyền thống, bộ comple nữ.

Điều 7. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức phải có tên cơ quan, ảnh, họ và tên, chức danh, số hiệu của cán bộ, công chức, viên chức.

3. Vị trí đeo thẻ cán bộ, công chức, viên chức:

a) Thẻ cán bộ, công chức, viên chức được đeo ở vị trí trước ngực bằng cách sử dụng dây đeo hoặc ghim cài.

b) Khoảng cách từ cằm đến mặt cắt ngang ở mép trên của thẻ cán bộ, công chức, viên chức là 200 - 300mm.

Mục 2

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ

CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 8. Giao tiếp và ứng xử

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ phải thực hiện các quy định về những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

2. Trong giao tiếp và ứng xử, cán bộ, công chức, viên chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng, quát nạt.

Điều 9. Giao tiếp và ứng xử với nhân dân

1. Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp

Trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp cán bộ, công chức, viên chức phải có thái độ trung thực, thân thiện, hợp tác, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc.

Điều 11. Giao tiếp qua điện thoại

1. Khi giao tiếp qua điện thoại, cán bộ, công chức, viên chức phải xưng tên, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; không ngắt điện thoại đột ngột.

2. Khi tham dự hội họp, tiếp khách điện thoại di động phải để ở chế độ yên lặng và phải trao đổi ngắn gọn trong phòng họp khi đang hội họp, tiếp khách.

Chương III

BÀI TRÍ CÔNG SỞ

Mục 1

QUỐC HUY, QUỐC KỶ

Điều 12. Treo Quốc huy

Quốc huy được treo trang trọng tại phía trên cổng chính. Kích cỡ Quốc huy phải phù hợp với không gian treo. Không treo Quốc huy quá cũ hoặc bị hư hỏng.

Điều 13. Treo Quốc kỳ

Quốc kỳ được treo nơi trang trọng trước công sở hoặc tòa nhà chính của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức. Quốc kỳ phải đúng tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc đã được Hiến pháp quy định.

Mục 2

BÀI TRÍ KHUÔN VIÊN CÔNG SỞ

Điều 14. Biển tên cơ quan

1. Biển tên cơ quan Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức được đặt tại cổng chính trụ sở của cơ quan; trên đó có ghi rõ tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi địa chỉ của cơ quan.

2. Biển tên cơ quan của các cơ quan chuyên môn thuộc quận có tư cách pháp nhân, có trụ sở riêng được đặt tại cổng chính của cơ quan; trên đó có ghi rõ tên cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức) bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) của cơ quan, địa chỉ của cơ quan.

Điều 15. Phòng làm việc

1. Phòng làm việc phải có biển tên ghi rõ tên đơn vị, họ và tên, chức danh cán bộ, công chức, viên chức. Vị trí đặt biển tên phải dễ nhìn, dễ trông thấy.

2. Việc sắp xếp, bài trí phòng làm việc phải bảo đảm gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, hợp lý.

3. Không lập bàn thờ, thấp hương, không đun, nấu trong phòng làm việc.

Điều 16. Phòng họp

Bố trí treo Quốc kỳ, cờ Đảng, ảnh và tượng Bác Hồ tại Hội trường và phòng họp có diện tích rộng; phong chữ, cỡ chữ và vị trí treo khẩu ngữ, băng rôn; sắp xếp bàn ghế ở trong phòng họp đảm bảo hợp lý và khoa học.

Điều 17. Khu vực ngoài phòng làm việc trong công sở

1. Bố trí gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường cho công sở; ở cổng vào có biển chỉ dẫn cụ thể.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi, đổ rác đúng nơi quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận có trụ sở làm việc nằm trong và ngoài khuôn viên Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm đảm bảo khu vực sân trong khuôn viên Ủy ban nhân dân quận và khu vực sân của các cơ quan, đơn vị được quét dọn sạch sẽ.

Điều 18. Khu vực để phương tiện giao thông

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông cho cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc với cơ quan.

2. Không thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc, liên hệ công tác tại trụ sở của Ủy ban nhân dân quận và tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận có trụ sở làm việc ngoài khuôn viên Ủy ban nhân dân quận.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình; tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, rút kinh nghiệm để kịp thời khắc phục những việc làm chưa đúng với Quy chế; theo dõi, báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận về tình hình thực hiện văn hóa công sở do đơn vị quản lý khi có yêu cầu.

2. Các cán bộ, công chức, viên chức ngoài việc tuân thủ Quy chế này còn có trách nhiệm hướng dẫn, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác cùng thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải kịp thời báo cáo và đề xuất lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ quận) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thanh Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/CT-UBND

Cử Chi, ngày 17 tháng 12 năm 2012

CHỈ THỊ**Về tổ chức đón Tết Quý Tỵ năm 2013**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Thành ủy lần thứ 12 và Công văn số 523-CV/TU ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy về chăm lo tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013 cho diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào thành phố; Chỉ thị số 26/2012/CT-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2012 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức đón Tết Quý Tỵ năm 2013; Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 12 và Công văn số 462-CV/HU ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Huyện ủy Cử Chi về chăm lo tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013 cho diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và nhân dân. Để chuẩn bị và tổ chức chu đáo phục vụ nhân dân đón Tết cổ truyền Quý Tỵ năm 2013 trên địa bàn với phương châm “Tết vui tươi, đoàn kết, lành mạnh, tiết kiệm, an toàn”; ra sức thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm 2013; Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Theo dõi sát diễn biến cung, cầu hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng trước, trong và sau Tết; chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, giá cả hợp lý đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân:

a) Phòng Kinh tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng đưa các mặt hàng bình ổn thị trường và hàng tiêu dùng thiết yếu về bán tại các khu lưu trú công nhân, khu chế xuất - khu công nghiệp, vùng nông thôn giúp công nhân và người dân có điều kiện tiếp cận nguồn hàng hóa phong phú.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Đội Quản lý thị trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các hiện tượng găm hàng; đặc biệt là hàng gian, hàng giả, hàng “đội lốt”, hàng nhập lậu để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và góp phần bình ổn thị trường.

c) UBND các xã, thị trấn phối hợp cùng các lực lượng kiểm tra huyện kiểm tra các điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) và buôn bán gia súc, gia cầm bệnh, chết mà không thực hiện kiểm dịch thú y; chủ động kiểm tra, quản lý hoạt động buôn bán tại các chợ, các tụ điểm mua bán nhỏ thuộc địa bàn quản lý, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp buôn bán hàng gian, hàng giả, bán quá giá quy định..., tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mua sắm Tết.

d) Ban quản lý các chợ tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ các loại sản phẩm, nông sản hàng hoá của nông dân tham gia phiên chợ tết, quản lý vệ sinh thực phẩm, môi trường. Sắp xếp bố trí các gian hàng tết tại chợ trật tự an toàn, không chiếm dụng lòng lề đường. Chủ động kiểm tra, nhắc nhở các tiểu thương tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy, không bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng.

2. Tổ chức tốt các hoạt động vui chơi, giải trí gắn với tuyên truyền chính trị, đồng thời thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo chu đáo đời sống vật chất, tinh thần cho diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và nhân dân:

a) Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch, tập trung tổ chức chăm lo chu đáo Tết cổ truyền của dân tộc với phương châm “đoàn kết, vui tươi, phấn khởi, an toàn và tiết kiệm”; các hoạt động chăm lo Tết gắn với vận động, tổ chức phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013 ngay trong tháng đầu năm, Mừng Xuân, Mừng Đảng. Tiến hành khảo sát, nắm chắc chính xác số lượng, đối tượng cần chăm lo Tết ở địa phương, đơn vị, đặc biệt chú ý đến các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn do bệnh tật, đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, học sinh, công nhân ở các địa phương đang học tập và lao động ở trên địa bàn huyện có hoàn cảnh khó khăn để thăm hỏi, tặng quà, hỗ trợ vé tàu xe để về quê thăm gia đình, tiền trợ cấp khó khăn đảm bảo “kịp thời, công khai, trực tiếp, đúng đối tượng”.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “3 tương trợ, 3 tiết kiệm” lan tỏa sâu rộng trong nhân dân; mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện tốt vai trò nêu gương, tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào ở ấp, khu phố với phương châm “phát huy sức dân chăm lo cho dân”; đồng thời huy động cả hệ thống chính trị cùng chung sức phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm lo gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo; lãnh đạo, vận động cán bộ, đảng viên, công chức tự nguyện dành một phần tiền lương và tiết kiệm chi tiêu trong dịp cuối năm để góp phần chăm lo gia đình chính sách khó khăn, đồng bào nghèo, cận nghèo trong dịp Tết...

- Huy động, quản lý tốt và sử dụng mục đích các nguồn tài chính từ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm,... đóng góp để chăm lo Tết cho các gia đình chính sách, công nhân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, nhất là công nhân ở các khu nhà trọ, học sinh.

- Tiếp tục thực hiện thật nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tất cả cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND xã, thị trấn không được tổ chức thăm tết, chúc tụng, liên hoan, chiêu đãi lẫn nhau; dành thời gian tập trung đi thăm dân, lo cho dân, nhất là diện chính sách, neo đơn, đồng bào nghèo,... không được dùng công quỹ làm quà biếu xén, cán bộ lãnh đạo gương mẫu không nhận quà dưới mọi hình thức.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện:

- Thực hiện tốt việc chăm lo quà tết cho các đối tượng chính sách từ nguồn ngân sách trung ương và thành phố theo đúng quy định. Phối hợp với các xã, thị trấn, các đoàn thể chuẩn bị quà Tết cho lãnh đạo huyện thăm hỏi các gia đình chính sách, diện khó khăn, con em huyện Củ Chi đang học tập tại các Trường, Trại, các cơ sở xã hội từ thiện....

- Chủ trì, phối hợp cùng Liên đoàn Lao động huyện, các cơ quan có liên quan, tăng cường kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp, người sử dụng lao động thực hiện nghiêm, kịp thời các quy định của pháp luật về điều chỉnh lương tối thiểu, xây dựng thang bảng lương hợp lý, công bằng, công bố thời gian chi trả lương, thưởng trong dịp Tết; nhanh chóng phát hiện những doanh nghiệp gặp khó khăn không có khả năng chi trả lương và tiền thưởng Tết để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố có biện pháp giải quyết, tháo gỡ kịp thời, không để xảy ra tranh chấp lao động tập thể, đình công, lãn công.

c) Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện đoàn Củ Chi chủ động phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng ít nhất mỗi xã 01 điểm bán hàng bình ổn giá phục vụ tết cho nhân dân.

d) Đề nghị Liên đoàn Lao động huyện và tổ chức công đoàn các doanh nghiệp chủ động nắm chắc tình hình công nhân, người lao động, chế độ tiền lương, tiền thưởng để kịp thời làm việc với người sử dụng lao động, chủ doanh nghiệp thực hiện nghiêm, đúng pháp luật, kịp thời, hợp lý, công bằng; cùng doanh nghiệp hỗ trợ, lo vé xe công nhân về quê, chú trọng hỗ trợ các trường hợp đặc biệt khó khăn, đã nhiều năm chưa được về quê dịp Tết, tạo sự đoàn kết, gắn bó mật thiết với công nhân.

đ) Đề nghị Huyện đoàn Củ Chi tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải

trí lãnh mạnh trong thanh - thiếu niên, chú trọng sinh viên, học sinh, thanh niên công nhân không có điều kiện về quê dịp Tết; tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, gia đình chính sách, vùng căn cứ kháng chiến; hỗ trợ công nhân trẻ, sinh viên khó khăn về quê; giúp thanh niên nghèo, thiếu nhi nghèo có điều kiện vui tết; gắn công tác tuyên truyền, chào mừng thành công Đại hội Đoàn Thanh niên thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX, Đại hội Đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ X.

e) Phòng Văn hóa - Thông tin huyện, Trung tâm Văn hóa huyện, Trung tâm Thể dục Thể thao huyện có kế hoạch phối hợp với Huyện đoàn, Liên đoàn Lao động huyện và các xã, thị trấn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho nhân dân trên địa bàn, trong đó chú trọng ở các xã ở vùng sâu, các khu chế xuất - khu công nghiệp.

g) Đài truyền thanh huyện tăng cường công tác tuyên truyền, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng kỷ niệm 83 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930 - 03/2/2013), mừng Xuân Quý Tỵ năm 2013; gắn liền với các hoạt động chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách và dân nghèo.

3. Đảm bảo ổn định tình hình an ninh chính trị - trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ và mỹ quan đô thị; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan, thu lợi bất chính và các biểu hiện không lành mạnh trước, trong và sau Tết:

a) Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo, nhất là dịp tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013; phòng, chống cháy, nổ, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Do Tết năm nay được nghỉ nhiều ngày, nhất thiết phải tổ chức bố trí cán bộ lãnh đạo trực thường xuyên để đảm bảo yêu cầu phục vụ nhân dân và công tác giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Công an huyện, Quân sự huyện chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan có kế hoạch tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát bảo đảm an toàn tuyệt đối về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông; tổ chức các đợt cao điểm tấn công, trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm trên địa bàn, kéo giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, kéo giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tố giác tội phạm và tiếp tục phát huy, giữ vững lâu dài, nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội và an dân.

c) Phòng Văn hóa - Thông tin huyện, Đội kiểm tra liên ngành Văn hóa xã hội huyện tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, ngăn chặn và

xử lý nghiêm khắc các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan, thu lợi bất chính.

d) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện làm vệ sinh khu vực Nghĩa trang Liệt sĩ huyện và các khu vực phụ trách, giải quyết tốt việc thu gom rác ở các chợ, khu dân cư tập trung và các địa bàn phụ trách. Riêng tại các chợ, điểm bán hoa kiểng... phải giải quyết trước 22 giờ 00 ngày 09 tháng 02 năm 2013 (29 Tết).

đ) Phòng Quản lý đô thị huyện tập trung điều hành tốt việc vận chuyển hàng hóa, hành khách tại bến xe Củ Chi, không để ứ đọng, ách tắc, giải quyết tốt trường hợp học sinh, công nhân về quê ăn Tết.

e) Phòng Y tế huyện, Trung tâm Y tế dự phòng huyện, Bệnh viện huyện tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân phòng bệnh, giữ vệ sinh ăn uống, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong những ngày Tết; tăng cường kiểm tra, phối hợp với lực lượng Quản lý thị trường có phương án kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Xử lý nghiêm các vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường ở các điểm buôn bán, nơi có nhiều người ăn uống tập thể như các xí nghiệp, trường học.

g) UBND các xã, thị trấn:

- Phát động nhân dân dọn dẹp vệ sinh, giữ gìn địa phương sạch đẹp đón xuân. Các ấp, khu phố trang hoàng lại văn phòng ấp, khu phố, đặc biệt là ấp, khu phố văn hóa. Dọn dẹp vệ sinh, quét vôi lại cho sạch đẹp các Bia tưởng niệm, Nhà truyền thống để đón tiếp các gia đình chính sách, nhân dân địa phương đến thấp nhang, tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ. Tổ chức họp mặt gia đình chính sách, viếng bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ của xã, thị trấn vào ngày **12 tháng 02 năm 2012 (ngày mùng 3 tết)**.

- Vận động 100% hộ dân treo quốc kỳ trong những ngày tết; Chú ý thay mới những lá cờ cũ rách, trụ cờ hư hỏng, không đúng quy cách; Thời gian treo cờ đúng quy định, không kéo dài.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trong ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố, phát hiện tố giác truy bắt các loại tội phạm, tham gia giải quyết các tệ nạn xã hội, phòng chống tệ cờ bạc, mê tín dị đoan.

4. Tổ chức tổng kết năm 2012 và triển khai nhiệm vụ năm 2013 trên tinh thần tiết kiệm; không tổ chức các đoàn đến chúc Tết, tặng hoa cho lãnh đạo các cấp:

Năm nay, thời gian nghỉ Tết dương lịch và Tết cổ truyền (13 ngày), để đảm bảo các hoạt động ổn định và bình thường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu:

a) Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện

nghiêm túc Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổ chức tổng kết năm 2012 và triển khai nhiệm vụ năm 2013 thật tiết kiệm, không tổ chức liên hoan, phô trương hình thức. Không tổ chức các đoàn đến chúc Tết, tặng hoa cho lãnh đạo các cấp. Không được sử dụng xe công để phục vụ các hoạt động cá nhân. Có trách nhiệm kiểm tra xử lý tập thể và cá nhân vi phạm và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện khi để xảy ra vi phạm ở đơn vị.

b) Ngay khi hết thời gian nghỉ Tết theo quy định, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn phải nhanh chóng đưa các hoạt động sản xuất kinh doanh, công việc, học tập... trở lại bình thường.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện. Phân công cán bộ lãnh đạo trực trong các ngày nghỉ Tết và thường xuyên thông tin báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân huyện, cụ thể:

. Báo cáo nhanh hàng ngày (gửi trước 09 giờ hàng ngày) bắt đầu thực hiện kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2013 (16 tháng 12 âm lịch).

. Báo cáo tóm tắt tình hình Tết, có nhận định đánh giá gửi trước 09 giờ ngày 06 tháng 02 năm 2013 (26 Tết âm lịch). Nếu có tình hình phát sinh đột xuất phải báo cáo ngay.

. Báo cáo hoạt động tổ chức phục vụ Tết của đơn vị, địa phương mình gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (Tổ Tổng hợp) trước 9 giờ, ngày 13 tháng 02 năm 2013 (mùng 4 Tết) để kịp tổng hợp báo cáo Huyện ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện tăng cường phối hợp để tổ chức phục vụ Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013 thật chu đáo, tiết kiệm.

Chỉ thị này được phổ biến đến các phòng, ban, đơn vị huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6358/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt “Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch
thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2012 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển vi mạch (chip điện tử) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3804/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển vi mạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 19/TTr-STTTT ngày 27 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận -

huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển công nghiệp vi mạch
thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020**
*(Ban hành kèm Quyết định số 6358/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Ngành công nghiệp vi mạch là một ngành công nghệ cao đem lại nhiều giá trị gia tăng, là nền tảng để hỗ trợ và đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu.

Phát triển sản phẩm của ngành công nghiệp vi mạch điện tử là một trong 9 sản phẩm quốc gia, là phương thức quan trọng để chuyển hóa các thành tựu khoa học và công nghệ thành hàng hóa thương mại.

Phát triển ngành công nghiệp vi mạch tại thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo nên bước nhảy vọt phá trong lĩnh vực vi mạch điện tử của thành phố và của cả nước.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng quy trình khép kín và đồng bộ cho ngành công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh với các khâu đào tạo, thiết kế, chế tạo chip, chế tạo và sản xuất ứng dụng, kinh doanh và quảng bá sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tình hình phát triển của đất nước.

Thu hút nguồn nhân lực cao cấp đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành, làm chủ những công nghệ mới và tiên tiến trong lĩnh vực vi mạch; thúc đẩy, tạo mối liên hệ giữa các cộng đồng phát triển vi mạch trên cả nước; qua đó làm cơ sở lan tỏa, đẩy mạnh phát triển kinh tế tại khu vực phía Nam và tiến tới cả nước.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm điện tử, viễn thông sản xuất tại Việt Nam.

- Sản phẩm điện tử, viễn thông có sử dụng vi mạch được thiết kế và chế tạo tại Việt Nam sẽ có giá trị gia tăng từ 15 - 30%.

- Đến năm 2020, doanh thu của riêng ngành vi mạch điện tử sẽ đạt tối thiểu 120 triệu USD/năm.

2. Công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh:

- Phát triển công nghiệp vi mạch điện tử thành phố Hồ Chí Minh trở thành một ngành kinh tế chủ lực, tăng trưởng cao (từ 20 - 30%/ năm), làm nền tảng cho sự phát triển chung và thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố, củng cố vị thế của thành phố là mũi nhọn phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật của cả nước.

- Thu hút ít nhất 5 tập đoàn đa quốc gia về lĩnh vực vi mạch điện tử đầu tư và hoạt động tại Việt Nam.

- Ươm tạo được khoảng 25 doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động trong lĩnh vực vi mạch điện tử.

3. Cơ sở vật chất, nguồn nhân lực:

- Xây dựng nhà máy chế tạo vi mạch đầu tiên tại Việt Nam.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng về thiết kế vi mạch và các sản phẩm liên quan (Design House) cho thành phố Hồ Chí Minh. Chia sẻ thư viện thiết kế, lõi IP, các dịch vụ sử dụng phần mềm chung cho toàn thành phố, hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Trung tâm này sẽ là đầu mối cung cấp phần mềm và dịch vụ thiết kế, chế tạo vi mạch cũng như các sản phẩm liên quan cho cả nước.

- Đào tạo được khoảng 2.000 kỹ sư, kỹ thuật viên... hoạt động trong lĩnh vực vi mạch điện tử.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển công nghiệp vi mạch điện tử:

- Phần đầu đến năm 2020, lĩnh vực vi mạch Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN.

- Phát triển công nghiệp vi mạch điện tử theo hướng thương mại. Nắm vững các công nghệ nền và nghiên cứu các công nghệ mới có khả năng ứng dụng phù hợp với hiện trạng và tiềm năng phát triển của đất nước.

- Đào tạo đội ngũ kỹ sư, cán bộ khoa học kỹ thuật chất lượng cao. Đẩy mạnh thiết kế, chế tạo vi mạch tích hợp và xây dựng các ứng dụng dựa trên thành quả từ các trường, viện, trung tâm nghiên cứu.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho ngành công nghiệp vi mạch nhằm theo kịp sự phát triển chung của thế giới.

2. Ứng dụng công nghiệp vi mạch điện tử vào những lĩnh vực khác:

Triển khai phối hợp với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tư nhân thuộc các lĩnh vực trọng điểm khác được Chính phủ ưu tiên phát triển như quốc phòng, giao thông, nông nghiệp, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục... nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý, sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ của những ngành này.

3. Tăng cường an ninh quốc phòng và an ninh đô thị:

- Nghiên cứu, cung cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho Chính phủ trong lĩnh vực quốc phòng, giảm dần sự phụ thuộc và tiến đến thay thế hoàn toàn các sản phẩm điện tử của nước ngoài.

- Phối hợp nghiên cứu, cung cấp trang thiết bị cho các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực an ninh đô thị nhằm nâng cao đời sống nhân dân.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho nền công nghiệp vi mạch điện tử:

- Thu hút, tập hợp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp vi mạch thành phố cũng như quốc gia.

- Thu hút các chuyên gia Việt kiều trong lĩnh vực vi mạch điện tử tham gia các dự án trong nước.

5. Nâng cao vị trí quốc tế của Việt Nam:

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực vi mạch điện tử đầu tư và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh, gây tiếng vang và khẳng định vị trí của nước ta trên thương trường thế giới.

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực vi mạch điện tử, hỗ trợ các ngành khác tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

IV. CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN

Chương trình bao gồm 7 dự án, đề án có quan hệ mật thiết, được triển khai đồng bộ nhằm tối ưu hóa hiệu quả của chương trình và đạt được các mục tiêu đề ra. Đơn vị chủ trì và quản lý Chương trình là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Các đơn vị phối hợp là các sở, ban, ngành liên quan, các trường đại học, viện nghiên cứu, Khu

công nghệ cao, Công viên phần mềm, các hiệp hội, doanh nghiệp và các cá thể hoạt động trong lĩnh vực điện tử vi mạch.

1. Đề án đào tạo lĩnh vực thiết kế vi mạch:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, các sở - ngành, Hội Tin học thành phố, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về vi mạch bán dẫn theo hướng sản phẩm;

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ sư có trình độ cao, cập nhật các kiến thức mới nhất về khoa học và công nghệ trên thế giới, qua đó tạo nguồn Kỹ sư thực hành giỏi và triển khai thực tế trong việc thương mại hóa sản phẩm chất lượng cao cho đất nước;

+ Thu hút sinh viên giỏi, giáo sư giỏi tham gia vào các đề án nhằm hình thành đội ngũ cán bộ phục vụ cho nhà máy bán dẫn do doanh nghiệp thành phố đầu tư;

+ Hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới để tiếp thu, chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm của các nhà khoa học nước ngoài phục vụ phát triển khoa học công nghệ Việt Nam, đẩy mạnh quá trình hội nhập thế giới.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

2. Đề án ươm tạo doanh nghiệp công nghệ vi mạch và hệ thống nhúng:

- Cơ quan chủ trì: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, các sở - ngành, Công ty Phát triển công viên phần mềm Quang Trung, Hội Tin học thành phố, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ có khả năng cung cấp môi trường làm việc hiện đại và tiện nghi nhằm thu hút các doanh nghiệp công nghệ chuyển giao kết quả nghiên cứu, ý tưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật, ý tưởng kinh doanh gia nhập vườn ươm để sáng lập hay phát triển các doanh nghiệp công nghệ mới;

+ Tìm kiếm và kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế khác như: các tập đoàn kinh tế lớn, các tổ chức phi lợi nhuận và các nhà đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước nhằm mục đích tạo nguồn vốn dồi dào để nuôi dưỡng và phát triển các doanh nghiệp công nghệ hoạt động tại vườn ươm;

+ Xây dựng bộ máy hành chính vườn ươm chuyên nghiệp nhằm cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp cho các công ty công nghệ hoạt động tại vườn ươm. Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp khác bao gồm các quy phạm pháp luật và kế toán, hợp đồng thương mại, tranh chấp thương hiệu, bằng sáng chế, bí quyết kinh doanh, quản lý tài chính, tiếp thị và nghiên cứu thị trường;

+ Tìm kiếm và liên kết các kênh hỗ trợ công cụ nghiên cứu, thiết kế, thí nghiệm và sản xuất sản phẩm công nghệ từ các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, viện và trường đại học trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu thiết kế, đo thử nghiệm và sản xuất các sản phẩm công nghệ của các doanh nghiệp hoạt động trong vườn ươm;

+ Tìm kiếm và liên kết các kênh truy cập kiến thức từ các viện, trường đại học trong và ngoài nước cũng như các chuyên gia nhằm phục vụ nhu cầu truy cập kiến thức và tạo điều kiện cho các công ty khách hàng, các doanh nghiệp công nghệ trao đổi và liên lạc trực tiếp với các chuyên gia và các giáo sư đầu ngành về lĩnh vực vi mạch điện tử;

+ Tìm kiếm các nhà nghiên cứu tiềm năng (doanh nhân công nghệ) có kết quả nghiên cứu khoa học hoặc ý tưởng sáng tạo có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất từ các viện, trường đại học trong và ngoài nước thuộc các chuyên ngành điện - điện tử, cơ - điện tử, tự động hóa và công nghệ thông tin; khuyến khích, tạo điều kiện tối đa để họ gia nhập vườn ươm sáng lập các công ty công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu hay ý tưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật phục vụ xã hội.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

3. Đề án phát triển thị trường vi mạch điện tử:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở - ngành, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Công ty Phát triển công viên phần mềm Quang Trung, Hội Tin học thành phố, các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Nội dung thực hiện: Đề án là sự kết hợp nhiều tổ chức khác nhau và được phân chia thành các tiểu chương trình nhằm quảng bá tốt đến từng đối tượng cụ thể trong tầng lớp xã hội dưới sự điều phối của một tổ chức có chức năng, hoạt động liên quan đến lĩnh vực vi mạch bán dẫn.

+ Quảng bá vi mạch đến sinh viên, doanh nghiệp thiết kế và ứng dụng vi mạch trong nước qua các hội thảo, các cuộc thi thiết kế vi mạch;

+ Quảng bá, hợp tác quốc tế về lĩnh vực vi mạch qua các hội nghị nhằm học hỏi kinh nghiệm và nâng cao vị trí của Việt Nam trên thế giới trong lĩnh vực vi mạch;

+ Nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp trung gian phát triển thị trường trong lĩnh vực vi mạch nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;

+ Xây dựng cổng thông tin điện tử quản lý và cập nhật liên tục các thông tin về chính sách, kết quả nghiên cứu, sản phẩm ứng dụng của ngành vi mạch điện tử. Tạo diễn đàn tư vấn, giải đáp thắc mắc về công nghệ cũng như sản phẩm vi mạch, sản phẩm điện tử ứng dụng cho khách hàng.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

4. Chương trình nghiên cứu thiết kế và sản xuất thử nghiệm vi mạch:

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, các trường, viện, các sở - ngành, Hội Tin học thành phố, các công viên phần mềm, các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Nội dung thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố: là cơ quan quản lý toàn bộ nội dung của Chương trình “Nghiên cứu thiết kế và sản xuất thử nghiệm vi mạch thành phố Hồ Chí Minh”.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

5. Đề án nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và biện pháp hỗ trợ phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền Thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở - ngành, trường/viện, Hội Tin học thành phố, Khu Công nghệ cao, Công viên phần mềm Quang Trung.

- Nội dung thực hiện:

+ Nghiên cứu và phân tích chi tiết về định hướng sản phẩm vi mạch chủ lực của nhà máy, cũng như ngành công nghiệp vi mạch thành phố;

+ Dựa trên những sản phẩm vi mạch điện tử và ứng dụng cụ thể từ chương trình vi mạch thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu và xây dựng hàng rào an ninh kỹ thuật để đề xuất cơ chế và chính sách hỗ trợ sản phẩm;

+ Nghiên cứu và tìm kiếm sự liên kết của ứng dụng vi mạch với từng ngành nghề cụ thể như: vi mạch phục vụ nông nghiệp, vi mạch phục vụ môi trường, vi mạch phục vụ quản lý xuất nhập khẩu... nhằm tạo mạng lưới ứng dụng vi mạch Việt trong các lĩnh vực khác nhau, từ đó đưa ra các chính sách, cơ chế cho từng lĩnh vực;

+ Nghiên cứu, đề xuất các chính sách mới về sử dụng thiết bị và hệ thống điện tử để mở rộng thị trường trong và ngoài nước;

+ Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ thuế, tín dụng đối với các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam và các tập đoàn/tổng công ty/doanh nghiệp trong nước để kinh doanh sản xuất sản phẩm điện tử sử dụng vi mạch do Việt Nam nghiên cứu, chế tạo;

+ Nghiên cứu cơ chế về quỹ sử dụng đất phục vụ các hạng mục công trình phát triển ngành công nghiệp vi mạch tại thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tổ chức hội thảo, tư vấn góp ý về các cơ chế, chính sách và biện pháp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực khác nhau như thuế, quỹ sử dụng đất, hàng rào an ninh kỹ thuật... trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất lên các bộ, ngành có liên quan.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

6. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất vi mạch:

- Cơ quan chủ trì: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên.

- Cơ quan phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, các sở - ngành, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến để hình thành nhà máy sản xuất vi mạch (chíp điện tử) công nghệ 180/130nm với công suất 6.000 wafer/tháng hay 72.000 wafer/năm (khoảng 1,8 tỷ con chip/năm);

+ Liên kết, hợp tác đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nhà máy vi mạch;

+ Nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ về mặt công nghệ;

+ Sản xuất sản phẩm mẫu phục vụ cho công tác nghiên cứu của các trường đại học, trung tâm thiết kế, viện nghiên cứu và những công ty thiết kế vi mạch. Cung cấp sản phẩm chip điện tử cho thị trường trong nước tiến đến xuất khẩu, gia công cho các công ty thiết kế nhỏ trong khu vực châu Á.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

7. Dự án xây dựng Nhà thiết kế (Design House):

- Cơ quan chủ trì: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan phối hợp: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, các sở - ngành, Khu Công nghệ cao, Hội Tin học thành phố, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các trường/viện.

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng: thiết lập phòng server, phòng lab, phòng training, phòng làm việc, máy tính, các thiết bị văn phòng... và các hạ tầng mạng như server, thiết bị mạng, đường truyền internet tốc độ cao;

+ Đầu tư trang bị phần mềm thiết kế vi mạch: bao gồm các phần mềm tiên tiến, hỗ trợ thiết kế số và tương tự. Các phần mềm này được cài đặt trên các server. License bao gồm các license giáo dục, license thương mại tiêu chuẩn và mở rộng. License của mỗi phần mềm được mua dưới dạng gói nhiều license;

+ Đầu tư phát triển phần mềm quản lý: Để quản lý hiệu quả các license phần mềm cũng như các thành viên và việc sử dụng, chia sẻ license;

+ Đầu tư trang bị thư viện các lõi IP;

+ Tổ chức huấn luyện đội ngũ Design House về sử dụng phần mềm và thư viện các lõi IP: Việc huấn luyện và tập huấn được thực hiện bởi các chuyên gia nước ngoài và trong nước;

+ Tổ chức huấn luyện cán bộ các trường, viện và doanh nghiệp tham gia khai thác phần mềm và lõi IP: Việc huấn luyện được thực hiện bởi chính đội ngũ của Design House để trang bị cho các trường, viện và các doanh nghiệp những kiến thức cần thiết để khai thác hiệu quả các tài nguyên được trung tâm chia sẻ.

- Thời gian thực hiện: năm 2013 - 2020.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển vi mạch thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chương trình này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

- Tổ chức cung cấp thông tin, dự báo, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực

hiện nội dung Chương trình; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ 6 tháng và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy thực hiện Chương trình;

- Triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự phát triển của ngành công nghiệp vi mạch điện tử;

- Tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ kinh phí theo kế hoạch hàng năm để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình.

4. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6410/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4728/TTr-STP ngày 26 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vì không còn phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6411/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về kiện toàn Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8127/SKHĐT-VP ngày 27 tháng 9 năm 2012, của Chánh Thanh tra thành phố tại Công văn số 1385/TTTP-VP ngày 29 tháng 11 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 843/TTr-SNV ngày 06 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra thành phố, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 2. Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên và các chuyên viên, cán bộ thanh tra.

Biên chế của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư được bố trí theo nguyên tắc tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, trong tổng biên chế Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chánh Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố; Phó Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở. Phó Chánh Thanh tra Sở giúp Chánh Thanh tra Sở phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chánh Thanh tra Sở trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 95/2004/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6444/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin
và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước
thuộc phạm vi quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 12021/STC-TC ngày 05 tháng 12 năm 2012 về ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6444/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (CSDL) vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả thành phố, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong CSDL.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố quản lý;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào CSDL**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính; cụ thể:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN (*đính kèm*); mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

- Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN (*đính kèm*); mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

- Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN (*đính kèm*); mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác; về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Mẫu số 04-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp quận, huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp nhập liệu có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp nhập liệu sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”** cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL;

b) In và gửi **thông tin về đất** đến Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các đơn vị thuộc thành phố), Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với các đơn vị thuộc quận, huyện) để Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan (*Trừ các trường hợp thông tin về đất của các cơ quan, đơn vị đã đúng và có đầy đủ giấy tờ rồi thì không phải gửi lấy ý kiến xác nhận nữa*).

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước hiện có trong CSDL hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”** của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (*trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản*) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán. Từ năm 2013, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”** cho đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (*Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch,...*) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo **“Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý”** theo mẫu quy định, được in trực tiếp từ CSDL.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp **“Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý”** cho đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Sở, ban, ngành thành phố và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khoá toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia để báo cáo vào ngày 30 tháng 01 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, bao gồm:

- a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN.
- b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn thực hiện bản Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính.

2. Các Sở Ban ngành thành phố có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm thi hành những quy định tại bản Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để hướng dẫn, xử lý./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 01-ĐK/TSNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
 ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Địa chỉ:.....

I- Về đất:

a- Diện tích khuôn viên đất:.....m².
 b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc....; Làm cơ sở HĐ sự nghiệp....; Làm nhà ở....; Cho thuê....; Bỏ trống....; Bị lấn chiếm....; Sử dụng vào mục đích khác.....m².
 c- Giá trị theo sổ kế toán:.....ngàn đồng.

II- Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			SỐ TẦNG	DT XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DT SÀN XÂY DỰNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HDSN	Sử dụng khác					
				Nguồn NS	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1- Nhà ...																	
2- Nhà ...																	
Tổng cộng:																	

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:

- Báo cáo kê khai bổ sung:

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 02-ĐK/TSNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
 ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ

TÀI SẢN	NHÃN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/TẢI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (chiếc)			
										Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp		HD khác
										Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I- Xe phục vụ chức danh																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
II- Xe phục vụ chung																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
III- Xe chuyên dùng																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
Tổng cộng:																

....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:
- Báo cáo kê khai bổ sung:

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 03-ĐK/TSNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC
 ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ NGUYÊN GIÁ TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (cái, chiếc)			
					Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp		HD khác
					Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1- Tài sản ...											
2- Tài sản ...											
3- Tài sản ...											
...											
Tổng cộng:											

....., ngày..... tháng..... năm
XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:
- Báo cáo kê khai bổ sung:

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6509/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân thành phố tại Công văn số 139/TCD-HCTH ngày 30 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố, Văn phòng Tiếp công dân thành phố, Sở Tư pháp nghiên cứu mức chi hợp lý phù hợp theo quy định của Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-BTP và tình hình thực tế trên địa bàn

thành phố; tham mưu và dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khi chờ lập thủ tục, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định, giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ quyết định mức chi thực tế nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng